

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 216/2024/DS-ST

Ngày: 30-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước.

2. Ông Huỳnh Hoài Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Thành Công – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thuý Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST-DS ngày 08/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 507/2024/QĐXXST-DS ngày 28/8/2024 giữa các đương sự:

– **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Duyên A, sinh ngày năm 1988.

Địa chỉ: KDC Thương mại T, Khóm D, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: Số A đường T, Phường A, Quận G, TP. Hồ Chí Minh.

* **Người đại diện hợp pháp:** Ông Trần Thanh C, sinh năm 1960, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 18/3/2024).

Địa chỉ liên hệ: Số A, Phú Mỹ, Phường C, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

– **Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Trần Thanh C, sinh năm 1960. Địa chỉ: Công ty Luật TNHH MTV A, số C Phú Mỹ, Phường H, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

– **Bị đơn:** Bà Dương Thị Bích T (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường T, Phường C, thành phố S, Tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ hiện nay: Số 299 đường T, Khóm D, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

– **Người làm chứng:** Bà Trần Thị Bé H (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường T, Khóm H, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Trần Thanh C trình bày: Vào ngày 11/5/2021, bà Dương Thị Bích T có vay của bà Nguyễn Duyên A số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Thời hạn vay 12 tháng, hai bên có làm giấy tay là “Giấy mượn tiền” không có công chứng chứng thực, có người làm chứng bà là Trần Thị Bé H. Đến hạn trả nợ nhưng bà Dương Thị Bích T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, mặc dù bà Nguyễn Duyên A đã nhiều lần nhắn tin đòi nợ.

Do khoản tiền này bà Nguyễn Duyên A vay mượn mà có, nên ngày 10/5/2022 bà Nguyễn Duyên A có ký hợp đồng với Công ty Cổ phần mua bán nợ N số 505HĐMB/TN-NDA/2022. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bên phía Công ty Cổ phần mua bán nợ N chỉ thu hồi được 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) do bên phía bà Dương Thị Bích T không hợp tác và không thể thu hồi nợ nên Công ty Cổ phần mua bán nợ N bàn giao lại số tiền bà Dương Thị Bích T còn nợ cho bà Nguyễn Duyên A là 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) có thể hiện trên Biên bản Thanh lý Hợp đồng số 0505TL/TN-NDA/2024 ngày 20/02/2024.

Nay bà Nguyễn Duyên A yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Dương Thị Bích T trả khoản nợ gốc cho bà Nguyễn Duyên A số tiền 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) và trả khoản lãi theo quy định của pháp luật với mức lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 11/5/2021 tạm tính đến ngày xét xử như sau: 440.000.000 đồng $\times$ 1,66%/tháng $\times$ 3 năm 3 tháng 19 ngày = 296.785.867 đồng, tổng cộng 736.785.867 đồng.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Dương Thị Bích T, nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án cung cấp lời khai, không đến tham dự buổi hòa giải cũng như không đến phiên tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng sự chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Tòa chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tổ tụng:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bà Dương Thị Bích T và bà Trần Thị Bé H nhưng bà T, bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

Về nội dung:

[2] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Duyên A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị Bích T trả cho bà A số tiền vay là 440.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 11/5/2021 đến ngày xét xử là 296.542.400 đồng, tổng cộng 736.542.400 đồng, vì theo bà A thì vào ngày 11/5/2021 bà Tuyền có vay bà A số tiền 500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất là 3%/tháng, có bà Trần Thị Bé H làm nhân chứng. Hai bên thoả thuận tiền lãi suất trả hàng tháng và trả lại tiền vốn khi hết hạn hợp đồng. Khi vay tiền hai bên có làm giấy mượn tiền, sau khi vay tiền bà T chưa trả lãi cho bà A và đến hạn cũng không trả lại tiền vốn. Khoản tiền này bà A vay mượn mà có, nên ngày 10/5/2022 bà Anh có ký hợp đồng với Công ty Cổ phần mua bán nợ N số 505HĐMB/TN-NDA/2022 (sau đây gọi là Công ty N) để Công ty N thu hồi nợ cho bà A. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N chỉ thu hồi được 60.000.000 đồng do bên phía bà T không hợp tác và không thể thu hồi nợ nên Công ty N bàn giao lại số tiền bà T số tiền còn nợ lại cho bà A là 440.000.000 đồng theo Biên bản Thanh lý Hợp đồng số 0505TL/TN-NDA/2024 ngày 20/02/2024. Bà A đã nhiều lần liên hệ với bà T đòi lại tiền lãi và tiền vốn nhưng bà T không trả nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét thấy, việc vay tiền giữa hai bên có làm giấy tay là “Giấy mượn tiền” có thể hiện thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 3%/tháng (bút lục 75) xác lập giữa các bên là tự nguyện, các bên tham gia giao dịch đủ năng lực hành vi, hình thức, nội dung và mục đích vay phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Tuyền đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng và vi phạm nghĩa vụ trả vốn vay khi đến hạn vào ngày 11/5/2022. Ngày 10/5/2022 bà Anh có ký hợp đồng số 505HĐMB/TN-NDA/2022 với Công ty N để Công ty N thu hồi nợ cho bà Anh. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N chỉ thu hồi được 60.000.000 đồng do bên phía bà T không hợp tác và không thể thu hồi nợ nên Công ty N bàn giao lại số tiền bà T số tiền còn nợ lại cho bà A là 440.000.000 đồng theo Biên bản Thanh lý Hợp đồng số 0505TL/TN-NDA/2024 ngày 20/02/2024 (bút lục 76). Số tiền 440.000.000 đồng còn lại này, đến nay bà T vẫn chưa trả vốn và lãi cho bà A đã gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của bà A. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà T có nội dung bà A khởi kiện yêu cầu bà Tuyền trả số tiền vốn, lãi vay nêu trên, nhưng bà Tuyền không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện do bà A xuất trình, nên căn cứ vào giấy mượn tiền nêu trên và quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà Tuyền có vay tiền và hiện còn nợ bà A, nên bà A yêu cầu bà T trả số nợ nêu trên là có

căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu trả lãi vay, bà A trình bày lãi suất hai bên thoả thuận là 3%/tháng, có ghi trong giấy mượn tiền. Khi vay tiền bà T chưa đóng lãi. Nay bà A yêu cầu tính lãi 1,66% tháng, thời gian tính lãi từ ngày 11/5/2021 đến 30/9/2024 là 03 năm 3 tháng 19 ngày x 440.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 296.785.867 đồng. Xét thấy mức lãi suất bà A yêu cầu như trên không vượt quá mức lãi do pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) nên có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Tuyên phải chịu 33.471.435 đồng. Bà Anh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Duyên A.

Buộc bà Dương Thị Bích T trả cho bà Nguyễn Duyên A số tiền vốn vay là 440.000.000 đồng và lãi là 296.785.867 đồng, tổng cộng 736.785.867 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Duyên A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Dương Thị Bích T không trả số tiền trên, thì bà Nguyễn Thị Bích T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Bích T phải chịu 33.471.435 đồng án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Duyên A không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp đồng 15.640.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bốn

mười nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001594 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV &THA)
- Đương sự;
- VKSND TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh